

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 1(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Phần 1: Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Nhận dạng sản phẩm

Tên thương mại

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Mã sản phẩm 279582

Bản chất hóa học: Polymeric colorant

1.2 Cách sử dụng thích hợp được biết của sản phẩm và thông tin liên hệ

Cách sử dụng phù hợp được biết của sản phẩm

Lĩnh vực công nghiệp : Chất tẩy rửa

1.3 Chi tiết của nhà cung cấp bằng thông tin an toàn

Thông tin công ty

Heubach Colorants Germany GmbH

Brüningstraße 50

65929 Frankfurt am Main

Số điện thoại : +49 69 305 13619

Thông tin về sản phẩm

Product Stewardship

Địa chỉ mail: SDS.PI.Europe@clariant.com

1.4 Số điện thoại khẩn cấp

00800-5121 5121

Phần 2: Nhận dạng nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Dán nhãn bổ sung

EUH210 Phiếu dữ liệu an toàn sẽ được cung cấp khi có yêu cầu.

EUH208 Chứa Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1. Có thể gây dị ứng.

2.3 Các nguy cơ khác

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006



Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 2(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Thông tin sinh thái học: Sản phẩm không chứa các thành phần được xem là có tính chất phá vỡ nội tiết theo điều 57(f) tiêu chuẩn Reach, hoặc quy định châu Âu Commission Delegated (EU) 2017/2100 hay Commission Regulation (EU) 2018/605 ở mức 0.1% hoặc cao hơn.

Thông tin độc học: Sản phẩm không chứa các thành phần được xem là có tính chất phá vỡ nội tiết theo điều 57(f) tiêu chuẩn Reach, hoặc quy định châu Âu Commission Delegated (EU) 2017/2100 hay Commission Regulation (EU) 2018/605 ở mức 0.1% hoặc cao hơn.

Phần 3: Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.2 Các hỗn hợp

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS Số EC Chỉ số-Số Số đăng ký	Phân loại	Nồng độ (% w/w)
Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H - isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1	55965-84-9 613-167-00-5 01-2120764691-48	Acute Tox. 3; H301 Acute Tox. 2; H330 Acute Tox. 2; H310 Skin Corr. 1C; H314 Eye Dam. 1; H318 Skin Sens. 1A; H317 Aquatic Acute 1; H400 Aquatic Chronic 1; H410 EUH071 Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh): 100 Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh): 100 giới hạn nồng độ cụ thể Skin Corr. 1C; H314 >= 0,6 % Skin Irrit. 2; H315 0,06 - < 0,6 % Eye Irrit. 2; H319 0,06 - < 0,6 % Skin Sens. 1A; H317 >= 0,0015 % Eye Dam. 1; H318 >= 0,6 %	>= 0,0002 - < 0,0015

Xem mục 16 về giải thích cho các cụm từ viết tắt.

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 3(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Phần 4: Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

- Lời khuyên chung : Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Di chuyển ra nơi có không khí trong lành.
Cung cấp oxy.
Gọi bác sĩ ngay lập tức.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Ngay lập tức rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Ngay lập tức rửa bằng thật nhiều nước, và cả các mí mắt, trong ít nhất 15 phút.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Ngay lập tức gây nôn và gọi bác sĩ.

4.2 Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

- Rủi ro : Không có chất độc hại được biết ngoại trừ các chất trên nhãn

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

- Xử lý : Điều trị theo triệu chứng.

Phần 5: Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Nước
Bột khô
Carbon điôxit (CO₂)
Bọt

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Phân hủy nhiệt có thể sinh ra:
Carbon ôxit
Nitơ ôxit (NO_x)

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.
- Thông tin khác : Mặc thiết bị bảo hộ thích hợp.

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 4(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Phần 6: Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Phòng ngừa cá nhân : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Tránh hít phải, nuốt phải hoặc tiếp xúc với da và mắt.

6.2 Các cảnh báo về môi trường

Các cảnh báo về môi trường : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vứt xuống đất.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để bao quây và làm sạch.

Các phương pháp làm sạch : Thu gom và tiêu hủy mà không tạo ra bụi bẩn.
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.
Sau khi lau rửa, xả sạch các lượng còn sót lại bằng nước.

6.4 Xem các mục khác

Thông tin liên quan đến thao tác an toàn, xem chương 7

Phần 7: Xử lý và lưu trữ

7.1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.
Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ và kính bảo hộ, găng tay và quần áo thích hợp.
Không được hít hơi/bụi.
Rửa thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hoả hoạn.

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

7.2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khác nào

Các yêu cầu đối với khu vực lưu trữ và thiết bị chứa : Bảo vệ khỏi sương giá, nhiệt và ánh sáng. Bảo vệ khỏi bị ẩm.
Giữ thùng chứa, bao bì được đóng kín, chặt.

Các thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi mát mẻ và thông gió tốt. Cần thận khi cầm và mở thiết bị chứa. Tránh xa nguồn cháy

7.3 Sử dụng cụ thể

(Các) Sử dụng cụ thể : Không có đề nghị gì thêm.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006



Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 5(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Mức độ không bị ảnh hưởng. (DNEL) theo Quy định (EU) số 1907/2006:

Nhận dạng hóa chất	Sử dụng cuối	Đường tiếp xúc	Các tác động tiềm ẩn lên sức khỏe	Giá trị
Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1 Số CAS: 55965-84-9	Công nhân	Hít phải	Các ảnh hưởng lâu dài cục bộ	0,02 mg/m ³
	Ghi chú:DNEL			
	Công nhân	Hít phải	Các ảnh hưởng cấp tính cục bộ	0,04 mg/m ³
	Ghi chú:DNEL			
	Khách hàng	Hít phải	Các ảnh hưởng lâu dài cục bộ	0,02 mg/m ³
	Ghi chú:DNEL			
	Khách hàng	Hít phải	Các ảnh hưởng cấp tính cục bộ	0,04 mg/m ³
	Ghi chú:DNEL			
	Khách hàng	Đường miệng	Các ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	0,09 mg/kg bw/ngày
	Ghi chú:DNEL			
	Khách hàng	Đường miệng	Các ảnh hưởng cấp tính đến toàn bộ cơ thể	0,11 mg/kg bw/ngày
	Ghi chú:DNEL			

Nồng độ không gây ảnh hưởng theo dự báo (PNEC) theo Quy định (EU) số 1907/2006:

Nhận dạng hóa chất	Phòng môi trường	Giá trị
Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1 Số CAS: 55965-84-9	Nước ngọt	3,39 µg/l
	Nước biển	3,39 µg/l
	Hệ thống xử lý nước thải	0,23 mg/l
	Đất	0,01 mg/kg trọng lượng khô (d.w.)
	Sử dụng/giải phóng không liên tục	3,39 µg/l
	Trầm tích nước ngọt	0,027 mg/kg trọng lượng khô (d.w.)
	Trầm tích biển	0,027 mg/kg trọng lượng khô (d.w.)

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 6(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

Chỉ sử dụng trong khu vực có ống xả khí cục bộ (hoặc các ống xả khí thích hợp khác)

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ mắt : Kính
Mạng che mặt
- Bảo vệ tay
Ghi chú : Găng tay cao su hoặc nhựa
- Bảo vệ da và cơ thể : Quần áo ống dài
Giày chống hóa chất
- Bảo vệ hô hấp : Trong trường hợp có hơi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.
- Các biện pháp bảo vệ : Mặc thiết bị bảo hộ thích hợp.

Phần 9: Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

- Trạng thái vật lý : Lỏng
- Màu sắc : màu xanh lá cây
- Mùi đặc trưng : nhẹ
- Ngưỡng mùi : không yêu cầu
- Điểm nóng chảy : chưa được xác định
- Điểm sôi/khoảng sôi : 212 °C
- Giới hạn trên của cháy nổ /
Giới hạn trên của sự bốc cháy : chưa được xác định
- Giới hạn dưới của cháy nổ /
Giới hạn dưới của sự bốc
cháy : chưa được xác định
- Điểm cháy : không bắt lửa
- Nhiệt độ tự bốc cháy : Không áp dụng được
- Nhiệt độ phân hủy : Sản phẩm không chứa các nhóm hóa chất nào có tính năng tự phản ứng, hoặc không được ước lượng SADT (nhiệt độ tự phân hủy gia tốc) dưới 75, hoặc năng lượng phân hủy tỏa nhiệt cao hơn 300 J/g.
- Độ pH : 7,5 - 9,5

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 7(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Độ nhớt		
Độ nhớt, động lực	:	chưa được xác định
Độ nhớt, động học	:	chưa được xác định
Độ hòa tan		
Độ hòa tan trong nước	:	hòa tan được
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	log Pow: -0,8 (20 - 25 °C) Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107
Áp suất hóa hơi	:	chưa được xác định
Tỷ trọng tương đối	:	1,15
Mật độ	:	chưa được xác định
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa được xác định
Đặc điểm hạt		
Kích thước hạt	:	Không áp dụng được

9.2 Các thông tin khác

Chất nổ	:	không có gì
Đặc tính ôxy hóa	:	chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	Sản phẩm không dễ cháy.
Chất rắn dễ cháy		
Số đốt cháy	:	Không áp dụng được
Tự bốc cháy	:	không tự bốc cháy
Tốc độ ăn mòn kim loại	:	chưa có dữ liệu
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa được xác định
Năng lượng cháy cực tiểu	:	chưa được xác định
Trọng lượng phân tử	:	chưa có dữ liệu

Phần 10: Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.

10.2 Tính ổn định

Ổn định trong các điều kiện thông thường.

10.3 Phản ứng nguy hiểm

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 8(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Phản ứng nguy hại : Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường. Ổn định

10.4 Các điều kiện cần tránh

Các điều kiện cần tránh : Được biết là chưa xảy ra.

10.5 Vật liệu không tương thích

Các chất cần tránh bảo quản chung : Các chất ô xi hóa
Các chất khử

10.6 Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy

Carbon điôxít (CO₂)
Cacbon monoxít
Nitơ ôxít (NO_x)

Phần 11: Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các nhóm độc hại như định nghĩa trong Quy định (EC) Số 1272/2008

Độc cấp tính

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính cấp do hít phải : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính cấp qua da : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): 64 mg/kg

Ước lượng độc tính cấp: Phương pháp: Phương pháp tính toán

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): 0,171 mg/l

Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
GLP: có
Đánh giá: Ăn mòn đường hô hấp.

Ước lượng độc tính cấp: Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ): 92,4 mg/kg

Ước lượng độc tính cấp: Phương pháp: Phương pháp tính toán

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 9(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

toán

Ăn mòn/kích ứng da

Sản phẩm:

Ghi chú : chưa có dữ liệu

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Loài : Thỏ
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả : Gây ăn mòn sau khi tiếp xúc 1 đến 4 giờ
GLP : không

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Sản phẩm:

Ghi chú : chưa có dữ liệu

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Loài : Thỏ
Phương pháp : Khác
Kết quả : Rủi ro tổn hại nghiêm trọng cho mắt
GLP : không

Kích thích hô hấp hoặc da

Sản phẩm:

Ghi chú : chưa có dữ liệu

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm cực đại
Loài : Chuột lang
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả : Sản phẩm này là chất gây kích thích da, phân nhóm 1A.
GLP : có

Đánh giá : Ngộ độc nếu nuốt phải., Chết khi tiếp xúc với da., Chết nếu hít phải., Gây bỏng da nghiêm trọng và hồng mắt.
Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 10(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Sản phẩm:

Độc tính gây đột biến gen : Ghi chú: chưa có dữ liệu trong ống thí nghiệm

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)- Đánh giá : Không có thông tin.

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Nghiệm cứu trong ống nghiệm
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất
Kết quả: Các kết quả mâu thuẫn nhau được thấy trong các nghiệm cứu khác nhau.

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân
Loài: Chuột
Loại tế bào: Tủy xương
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm: <= 5 d
Liều lượng: 1-5 x <= 28 mg/kg
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân
Loài: Chuột nhắt
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm: <= 5 d
Liều lượng: 1-5 x <= 20 - 30 mg/kg
Kết quả: Âm tính

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)- Đánh giá : Các thử nghiệm trên cơ thể sinh vật sống không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến.

Tác nhân gây ung thư

Sản phẩm:

Ghi chú : Thông tin này không có sẵn.

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Không có thông tin.

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Không có bằng chứng về đặc tính gây ung thư trong các nghiệm cứu trên động vật

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 11(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Độc tính sinh sản

Sản phẩm:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Ghi chú: Thông tin này không có sẵn.

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Ghi chú: Thông tin này không có sẵn.

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Không có thông tin.

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loài: Chuột, Đực và cái
Lộ trình ứng dụng: Nước uống
Liều lượng: 25 - 75 - 225 ppm
Tính độc hại chung đối với cha mẹ: NOAEL: 16,3 - 24,7 mg/kg trọng lượng cơ thể
Tính độc hại chung F1: NOAEL: 16,3 - 24,7 mg/kg trọng lượng cơ thể
Phương pháp: Khác
GLP: có

Loài: Chuột, Đực và cái
Lộ trình ứng dụng: Nước uống
Liều lượng: 30 - 100 - 300 ppm
Tính độc hại chung đối với cha mẹ: NOAEL: 2,8 - 4,4 mg/kg trọng lượng cơ thể
Tính độc hại chung F1: NOAEL: 22,7 - 28 mg/kg trọng lượng cơ thể
Tính độc hại chung F2: NOAEL: 35,7 - 39,1 mg/kg trọng lượng cơ thể
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 416
GLP: có

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Chuột, Đực và cái
Lộ trình ứng dụng: bằng miệng (đưa vào dạ dày)
Liều lượng: <= 15 mg/kg
Độc tính đối với sự phát triển: NOAEL: 15 mg/kg trọng lượng cơ thể
Phương pháp: Khác

Loài: Chuột, Đực và cái
Lộ trình ứng dụng: bằng miệng (đưa vào dạ dày)
Tính độc hại đối với người mẹ: NOAEL: <= 3,95 mg/kg trọng lượng cơ thể
Phương pháp: Khác

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này có độc tính sinh sản
Dựa vào các dữ liệu hiện có, không thể phân loại là có gây độc cho phôi hay không.

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 12(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

STOT - Tiếp xúc một lần

Sản phẩm:

Ghi chú : chưa có dữ liệu

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Đánh giá : Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Sản phẩm:

Ghi chú : chưa có dữ liệu

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Đánh giá : Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

Lượng độc lặp lại

Sản phẩm:

Ghi chú : Thông tin này không có sẵn.

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Loài : Chuột, Đực và cái
NOAEL : 16,3 - 24,7 mg/kg
Lộ trình ứng dụng : Nước uống
Thời gian phơi nhiễm : 90 d
Số lần phơi nhiễm : daily
Liều lượng : 25 - 75 - 225 ppm
Nhóm kiểm soát : có
Phương pháp : Khác
GLP : có

Độc tính hô hấp

Sản phẩm:

chưa có dữ liệu

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 13(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1):

Không có dạng độc tính hô hấp

11.2 Thông tin về các chất độc hại khác

Các tính chất phá vỡ nội tiết

Sản phẩm:

Đánh giá : Sản phẩm không chứa các thành phần được xem là có tính chất phá vỡ nội tiết theo điều 57(f) tiêu chuẩn Reach, hoặc quy định châu Âu Commission Delegated (EU) 2017/2100 hay Commission Regulation (EU) 2018/605 ở mức 0.1% hoặc cao hơn.

Phần 12: Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Sản phẩm:

Độc đối với cá : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính đối với các vi sinh vật : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1):

Độc đối với cá : EC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 0,22 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006



Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 14(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

- Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : EC50 (Skeletonema costatum (tảo cát biển)): 0,0052 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
- NOEC (Skeletonema costatum (tảo cát biển)): 0,00049 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm tĩnh
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
- Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 100
- Độc tính đối với các vi sinh vật : EC50 (Than hoạt tính): 7,92 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 3 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209
- Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC: 0,098 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Loài: Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 215
- Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC: 0,004 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Loài: Daphnia magna (Bọ nước)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
- Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 100
- Độc tính đối với các sinh vật sống trong đất : LC50:
86,6 mg/kg trọng lượng khô (d.w.)
Thời gian phơi nhiễm: 14 d
Loài: Eisenia fetida (Sâu đất)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 207
- NOEC:
8,83 mg/kg trọng lượng khô (d.w.)
Thời gian phơi nhiễm: 14 d
Loài: Eisenia fetida (Sâu đất)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 207

Đánh giá độc tố sinh thái học

- Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
- Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 15(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

12.2 Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Sản phẩm:

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Tính phân hủy sinh học : Loại kiểm nghiệm: hiếu khí
Tiêm chủng: Than hoạt tính
Kết quả: Phân hủy sinh học không nhanh
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B

Phân hủy quang học : Loại kiểm nghiệm: nước
Nguồn ánh sáng: Ánh sáng mặt trời

12.3 Khả năng tích lũy sinh học

Sản phẩm:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Tính tích lũy sinh học : Yếu tố nồng độ sinh học (BCF): 3,6
Phương pháp: Được tính toán ra
Ghi chú: Không tích lũy trong các cơ thể sinh vật

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: -0,71 - 0,75
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107
GLP: có

12.4 Độ linh động trong đất

Sản phẩm:

Phân bố trong các môi trường khác nhau : Ghi chú: chưa có dữ liệu

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Sản phẩm:

Đánh giá : Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7]and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Đánh giá : Chất này không được coi là khó phân hủy, có khả năng tích tụ sinh học và độc hại (PBT)

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 16(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

12.6 Các tính chất phá vỡ nội tiết

Sản phẩm:

Đánh giá : Sản phẩm không chứa các thành phần được xem là có tính chất phá vỡ nội tiết theo điều 57(f) tiêu chuẩn Reach, hoặc quy định châu Âu Commission Delegated (EU) 2017/2100 hay Commission Regulation (EU) 2018/605 ở mức 0.1% hoặc cao hơn.

12.7 Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các con đường và sự biến đổi trong môi trường : chưa có dữ liệu

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

Thành phần:

Reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H -isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1:

Các thông tin sinh thái khác : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vứt xuống đất.

Phần 13: Các lưu ý về tiêu hủy

13.1 Các phương pháp xử lý chất thải

Sản phẩm : Có thể thải loại như đối với chất thải rắn hoặc thiêu đốt trong một cơ sở thích hợp và tuân thủ quy định địa phương.

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ theo quy định của địa phương

Phần 14: Thông tin vận chuyển

Phần 14.1 đến 14.5

ADR	not restricted
ADN	not restricted
RID	not restricted
IATA	not restricted
IMDG	not restricted

14.6. Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

Xem phần 6 đến 8 trong tài liệu an toàn này

14.7. Vận chuyển hàng hải số lượng lớn theo công cụ IMO

Không áp dụng

Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 17(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Phần 15: Thông tin pháp luật

15.1 Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

REACH - Các hạn chế về sản xuất, lưu hành trên thị trường và sử dụng một số chất, hỗn hợp chất và sản phẩm nguy hiểm (Phụ lục XVII) : Không áp dụng được

REACH - Danh sách các chất cần quan tâm đặc biệt của nhà chức trách (Điều 59). : Không áp dụng được

Quy định (EC) số 1005/2009 về các chất làm suy yếu tầng ôzôn : Không áp dụng được

Regulation (EU) 2019/1021 on persistent organic pollutants (recast) : Không áp dụng được

Council Regulation (EC) No 111/2005 laying down rules for the monitoring of trade between the Community and third countries in drug precursors : Không bị cấm hoặc bị hạn chế

Quy định (EC) số 649/2012 của Quốc hội châu Âu và Hội đồng liên quan đến xuất khẩu và nhập khẩu các hóa chất nguy hiểm : Không áp dụng được

VƯỜN TỐI - Danh sách các chất phải có giấy phép (Phụ ước XIV) : Không áp dụng được

Các quy định khác:

Ngoài dữ liệu / quy định nêu trong chương này, không có thêm thông tin khác liên quan đến bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường.

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Không có đánh giá an toàn hóa học nào hiện thời sẵn có cho sản phẩm, hay cho thành phần trong sản phẩm. MARPOL73/78 and the IBC Code ((Mã nhóm hóa chất quốc tế).

Phần 16: Các thông tin khác

Toàn bộ nội dung các phần trình bày - H

H301 : Ngộ độc nếu nuốt phải.
H310 : Chết khi tiếp xúc với da.
H314 : Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.
H317 : Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H318 : Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H330 : Chết nếu hít phải.
H400 : Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
H410 : Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
EUH071 : Ăn mòn đường hô hấp.

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

Acute Tox. : Độc cấp tính
Aquatic Acute : Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006



Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 18(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Aquatic Chronic	:	Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh
Eye Dam.	:	Gây tổn thương nặng cho mắt
Skin Corr.	:	Ăn mòn da
Skin Sens.	:	Nhạy cảm với da

ADN - Hiệp định châu Âu về việc Vận chuyển Quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường thủy Nội địa; ADR - Hiệp định về việc Vận chuyển Quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ; AIC - Tồn kho hóa chất công nghiệp Úc; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CLP - Quy định về Xác định Nhãn Đóng gói bao bì; Quy định (EC) Số 1272/2008; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECHA - Cơ quan Hóa chất châu Âu; EC-Number - Mã số Cộng đồng châu Âu; ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; RID - Quy định về Vận tải Quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường sắt; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; SVHC - chất có nguy cơ rất cao; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TRGS - Quy định về mặt Kỹ thuật đối với Chất Độc hại; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy

Thông tin khác

Các thông tin khác : Xem xét yêu cầu pháp lý quốc gia và địa phương

Các dữ kiện trên đây dựa trên thông tin hiện hành mà chúng tôi được biết, nhằm mục đích mô tả chung về sản phẩm và những ứng dụng khả dĩ của nó. Heubach không chứng thực, phát biểu hay bao hàm tính chính xác, thích hợp và đầy đủ của thông tin cung cấp cũng như chúng tôi được quyền miễn trừ đối với thiếu sót và không chấp nhận nghĩa vụ pháp lý nào liên quan đến việc sử dụng thông tin này. Người sử dụng sản phẩm này có trách nhiệm xác định tính phù hợp của sản phẩm của Heubach cho ứng dụng cụ thể của nó. Không điều nào trong thông tin này phủ nhận Các điều khoản chung và điều kiện bán hàng của Heubach - nhằm kiểm soát, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản. Bất cứ quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ nếu có phải được xem xét. Do các thay đổi có thể xảy ra đối với sản phẩm của chúng tôi cũng như quy định và luật định quốc gia và quốc tế tương ứng, tình trạng của sản phẩm có thể thay đổi. Thông tin an toàn sản phẩm đề xuất sự đề phòng về mặt an toàn, mà có thể quan sát trong quá trình thao tác và lưu trữ sản phẩm của Heubach, thông tin này sẵn có khi yêu cầu và được cung cấp phù hợp luật định.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006



Sanolin Lave Green G liquid VP 5225

Trang 19(19)

Mã hoá chất: 000000534585

Ngày xem xét: 03.06.2022

Phiên bản: 1 - 2 / EU

Ngày in : 06.03.2023

Bạn nên có và xem xét Thông tin an toàn sản phẩm trước khi sử dụng sản phẩm. Nếu cần thêm thông tin, hãy liên lạc với Heubach.

REG_EU / VI